

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-PT

Ngày: 11/6/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tấn Hoàng

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Minh Quang và ông Lương Quang

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thu Hà -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** Ông Lê Minh Chánh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 103/2019/DSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Thanh S –sinh năm1964; Trú tại: 27 T, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

**2.Bị đơn:** ông Dư Huệ H – sinh năm 1974; Địa chỉ: Hẻm 65 L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

-Bà Nguyễn Hoàng Nữ Ngọc Th; Địa chỉ: Hẻm 65 L, phường B, thành phố T , tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

-Ông Phạm H1– sinh năm 1976; Trú tại: Thôn Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

-Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2013, kèm theo Bản gốc Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 26/05/2012, bà S yêu cầu ông H trả nợ tiền mua xe 7.800.000đ, lãi 1,125%/tháng từ ngày mua xe 26/05/2012 đến ngày trả nợ cuối cùng.

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2014 kèm theo Bản gốc Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 26/05/2012 và bản photocopy Giấy đăng ký xe mô tô biển số 78G1 – 073.65 do ông Phạm Hằng – sinh năm 1976, trú tại: Phước Bình Bắc, Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đứng tên, bà S yêu cầu ông Dư Huệ H, bà Nguyễn Hoàng Nữ Ngọc Th trả nợ tiền mua xe 7.800.000đ, lãi 1,125%/tháng từ ngày mua xe 26/05/2012 đến ngày trả nợ cuối cùng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/6/2017, bà Hồ Thị Thanh S nộp bản photocopy Giấy nhận nợ ngày 26/10/2016 do ông Dư Huệ H ký và yêu cầu bị đơn ông Dư Huệ H, người bảo lãnh Nguyễn Hoàng Nữ Ngọc Th trả nợ tiền mua xe còn lại là 2.430.000đ, lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 28/6/2017.

-Bị đơn ông Dư Huệ H vắng mặt không trình bày.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng Nữ Ngọc Th và ông Phạm H1 vắng mặt không trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 103/2019/DSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

### **Tuyên xử:**

1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện khởi kiện 16/10/2013, ngày 19/6/2014 và quá trình giải quyết vụ án. Buộc bị đơn ông Dư Huệ H phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ mua xe máy là 2.997.000đ (Hai triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng) (trong đó gốc 2.430.000đ, lãi 567.000đ). Trường hợp ông Dư Huệ H không thực hiện nghĩa vụ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Nữ Ngọc Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà S thay cho ông H. Bà Hồ Thị Thanh S, ông Phạm H1 phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78G1 – 073.65 cho ông Dư Huệ H khi ông H hoặc bà Nguyễn

Hoàng Nữ Ngọc Th trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu, tiền thuê trước bạ lần 02 do ông H nộp.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 BLDS 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quy định thi hành án và thời hạn kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/12/2019, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu tính lãi 1.125%/tháng.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn xin vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, người kháng cáo nguyên đơn bà Sương đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Dư Huệ H, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo yêu cầu tính lãi suất quá hạn là 1.125%/tháng chứ không đồng ý tính lãi suất 0.83%/tháng như bản án sơ thẩm đã tính. Giao dịch giữa các bên thực hiện từ năm 2012 nhưng chốt nợ từ ngày 27/6/2017 do đó áp dụng Bộ luật dân sự 2015. Tại giấy chốt nợ bản photocopy Giấy nhận nợ ngày 26/10/2016 do ông Dư Huệ H ký, thể hiện ông H đã góp nhiều lần tiền mua xe, đến ngày 27/6/2017, giữa bà S và ông H chốt nợ còn 2.430.000đ. Đồng thời các bên không thỏa thuận lãi suất nên áp dụng các quy định tại các Điều 430, 440, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, cấp sơ thẩm tính lãi quá hạn 10%/năm = 0,83%/tháng từ ngày 28/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày

31/10/2019 = 2.430.000đ x 0,83%/tháng x 02 năm 04 tháng 03 ngày = 567.000đ (*Năm trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*) là có căn cứ. Tổng cộng gốc và lãi bị đơn Dư Huệ H phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S là 2.997.000đ (*Hai triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng*)

Do đó cần chấp nhận quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.; Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện khởi kiện 16/10/2013, ngày 19/6/2014 và quá trình giải quyết vụ án. Buộc bị đơn ông Dư Huệ H phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ mua xe máy là 2.997.000đ (*Hai triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng*) (trong đó gốc 2.430.000đ, lãi 567.000đ). Trường hợp ông Dư Huệ H không thực hiện nghĩa vụ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Nữ Ngọc Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà S thay cho ông H. Bà Hồ Thị Thanh S, ông Phạm H1 phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78G1 – 073.65 cho ông Dư Huệ H khi ông H hoặc bà Nguyễn Hoàng Nữ Ngọc Th trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu, tiền thuế trước bạ lần 02 do ông H nộp.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 BLDS 2015.

3. Về án phí: Bị đơn Dư Huệ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000đ án phí DSPT, được khấu trừ 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0001107 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án

thành phố Tuy Hòa. Hoàn lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí 195.000đ theo Biên lai thu tiền số 12185 ngày 26/6/2014 và 195.000đ theo Biên lai thu tiền số 02019 ngày 25/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA.

**Mai Tấn Hoàng**

khấu trừ 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0001107 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố Tuy Hòa. hoàn lại cho bà Sương số tiền tạm ứng án phí 195.000đ theo Biên lai thu tiền số 12185 ngày 26/6/2014 và 195.000đ theo Biên lai thu tiền số 02019 ngày 25/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Quang      Trần Minh Quang**

**Mai Tấn Hoàng**